

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-11-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Thanh Minh**

2. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đinh Minh T**, sinh năm A (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ S, ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Mỹ K**, sinh năm: A (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn **Đinh Minh T** có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên theo đơn xin ly hôn ngày 05/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Đinh Minh T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Sau khi cưới, anh chị sống chung gia đình anh đến cuối năm 2020 thì chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm về vấn đề thu nhập của hai vợ

chồng, chị K có con riêng nên khi lấy chồng về nhà chồng sống, con riêng của chị K vẫn sống ở nhà ngoại hàng tháng thì anh đồng ý cho chị K gửi số tiền 3.000.000 đồng về để nuôi con riêng vì thu nhập của anh hàng tháng đều đưa chị K cất giữ. Tuy nhiên chị K hàng tháng gửi về quê số tiền nhiều hơn số tiền hai vợ chồng đã thỏa thuận, anh đã nói chuyện nhưng chị K phủ nhận toàn bộ, sau đó anh có phát hiện hóa đơn gửi tiền về quê gần 6.000.000 đồng nên hai vợ chồng sinh ra cãi vã; sống chung nhà với mẹ chồng, chị K không phụ mẹ dọn dẹp nhà cửa mà còn bày bừa bộn ra đó cho mẹ dọn dẹp, bức xúc anh chị cãi vã thì chị K bỏ về quê cho đến nay, trong thời gian không sống chung anh có điện thoại về nhà vợ hỏi xem chị K sao không về thăm con thì gia đình vợ nói không biết chị K ở đâu, nên sau đó anh không liên lạc nữa, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đinh Tiến H, sinh ngày B, hiện con sống chung với anh, ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ K vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh T, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh Minh T, cho anh T được ly hôn với chị K. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Tiến H, sinh ngày B cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đinh Minh T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ K vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị Mỹ K tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Minh T và chị Nguyễn Thị Mỹ K.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Minh T và chị Nguyễn Thị Mỹ K có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh T, căn cứ vào lời khai của anh, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm về vấn đề thu nhập chi tiêu của hai vợ chồng và con riêng của chị, chị không biết cách chăm sóc cho cuộc sống của gia đình, anh khuyên nhủ mà chị không nghe mà lại bỏ nhà đi về quê sinh sống cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị K nhiều lần nhưng chị K vẫn không đến Tòa án và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh T, cho thấy chị K không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị, không tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị K là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên Đinh Tiến H, sinh ngày B hiện đang sống chung anh T. Ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của cháu nên cần giao cháu H cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu là có cơ sở được chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Anh Đinh Minh T có yêu cầu ly hôn nên anh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4.] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đinh Minh T và chị Nguyễn Thị Mỹ K được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Tiến H, sinh ngày B cho anh Đinh Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Mỹ K không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đinh Minh T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Mỹ K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Đinh Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018606 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, anh Đinh Minh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh